

BẢNG GHI ĐIỂM MÔN HỌC - HỌC PHẦN

Học Kỳ 2 - Năm Học 2025-2026

Môn học/Nhóm
CBGD

GD quốc phòng và AN – Lớp CCQ2512A
Nguyễn Trung Thông

Số tín chỉ: 3

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Tên lớp	Điểm quá trình	Điểm thi	Điểm môn học/học phần
1	2125120024	Lê Nhật Trúc Ân	20/10/2004	CCQ2512A	7.7	6.4	6.9
2	2125120020	Đinh Thị Diệu Châu	11/7/2007	CCQ2512A	7.6	8.2	8.0
3	2125120016	Vũ Thị Bích Diệp	20/03/2007	CCQ2512A	8	6.4	7.0
4	2125120033	Nguyễn Thị Hoàng Diệu	18/01/2007	CCQ2512A	7.3	8.0	7.7
5	2125120009	Đàm Lê Thuỳ Dung	31/08/2006	CCQ2512A	8.4	6.4	7.2
6	2125120015	Đặng Hùng Duy	25/03/2007	CCQ2512A	8.9	6.0	7.2
7	2125120039	Ka Duyên	13/03/2006	CCQ2512B	8.8	5.6	6.9
8	2125120003	Trần Thị Phương Duyên	5/1/2007	CCQ2512A	8.1	8.4	8.3
9	2125120055	Phạm Thị Ngọc Giàu	4/1/2007	CCQ2512B	8.1	6.4	7.1
10	2125120069	Nguyễn Văn Hiếu	10/5/2007	CCQ2512B	6.1	6.0	6.0
11	2125120047	Cao Thị Hồng Huế	17/05/2007	CCQ2512B	7.3	6.6	6.9
12	2125120060	Nguyễn Phát Huy	30/05/2007	CCQ2512B	6.6	6.4	6.5
13	2125120059	Phạm Gia Huy	25/08/2006	CCQ2512B	7	7.0	7.0
14	2125120013	Vũ Châu Gia Khang	7/10/2006	CCQ2512A	4.6	7.4	6.3
15	2125120017	Trần Dương Thuỳ Linh	5/11/2007	CCQ2512A	7.4	8.2	7.9
16	2125120065	Đinh Thị Loại	18/07/2006	CCQ2512B	8.5	6.6	7.4
17	2125120063	Hoàng Ngọc Long	22/11/2007	CCQ2512B	7.1	6.6	6.8
18	2125120062	Lê Thị Hồng Ly	6/8/2007	CCQ2512B	4.3	6.0	5.3
19	2125120031	Phạm Thanh Tuyết Ly	25/10/2007	CCQ2512A	6.7	7.2	7.0
20	2125120051	Hoàng Ái My	13/07/2007	CCQ2512B	8.1	6.8	7.3
21	2125120045	Ngô Thị Diễm My	16/02/2007	CCQ2512B	7.1	6.4	6.7
22	2125120095	Mai Thị Thảo Ngân	28/03/2007	CCQ2512B	8.7	6.8	7.6
23	2125120046	Trần Minh Nghĩa	8/9/2007	CCQ2512B	7.1	6.6	6.8
24	2125120049	Võ Ngọc Thảo Nguyên	31/08/2007	CCQ2512B	8.2	6.8	7.4

25	2125120007	Lê Trần Thanh	Nhàn	2/4/2007	CCQ2512A	7	5.8	6.3
26	2125120014	Huỳnh Thị Yến	Nhi	20/05/2007	CCQ2512A	0		0.0
27	2125120022	Huỳnh Thị Yến	Nhi	12/12/2007	CCQ2512A	7.1	8.2	7.8
28	2125120008	Nguyễn Thị Tuyết	Nhi	29/03/2007	CCQ2512A	8.1	7.2	7.6
29	2125120072	Dương Kiều	Oanh	28/03/2003	CCQ2512B	7.9	6.4	7.0
30	2125120110	Đinh Trường	Phi	10/1/2007	CCQ2512B	7.3	7.4	7.4
31	2125120061	Huỳnh Minh	Quân	10/6/2006	CCQ2512B	6.8	7.0	6.9
32	2125120038	Đặng Xuân	Quang	30/03/2007	CCQ2512B	6.8	6.8	6.8
33	2125120066	Cao Thị	Quyên	26/08/2006	CCQ2512B	8.1	8.4	8.3
34	2125120028	Võ Thị	Quyên	17/07/2007	CCQ2512A	7	5.4	6.0
35	2125120054	Tăng Thị Bé	Tâm	3/4/2007	CCQ2512B	7.3	7.6	7.5
36	2125120057	Võ Thị	Thắm	10/7/2004	CCQ2512B	8.5	6.8	7.5
37	2125120023	Nguyễn Thị Ngọc	Thảo	23/09/2007	CCQ2512A	5.1	5.8	5.5
38	2125120035	Mai Hoàng	Thiên	17/07/2007	CCQ2512A	6.7	6.4	6.5
39	2125120071	Trương Ngọc	Thịnh	18/04/2007	CCQ2512B	7.4	6.6	6.9
40	2125120005	Đỗ Hoàng Trúc	Thư	8/4/2006	CCQ2512A	7.3	6.8	7.0
41	2125120068	Nguyễn Thuỵ Minh	Thư	14/01/2007	CCQ2512B	8.3	5.4	6.6
42	2125120004	Điểu Minh	Thuận	11/7/2006	CCQ2512A	7.1	6.2	6.6
43	2125120043	Trần Hoà Minh	Thuận	7/9/2007	CCQ2512B	8.6	7.2	7.8
44	2125120027	Trần Hoài	Thương	11/6/2005	CCQ2512A	7.5	7.0	7.2
45	2125120006	Hoàng Thị Thanh	Thủy	11/8/2007	CCQ2512A	8.3	7.4	7.8
46	2125120053	Võ Anh	Tín	25/06/2006	CCQ2512B	7.6	8.0	7.8
47	2125120019	Huỳnh Phúc	Toàn	28/11/2007	CCQ2512A	5.2	5.0	5.1
48	2125120067	Đỗ Thị Mai	Trâm	5/10/2007	CCQ2512B	8.4	6.2	7.1
49	2125120041	Phạm Bảo	Trâm	31/01/2006	CCQ2512B	8.6	5.4	6.7
50	2125120030	Nguyễn Thị Ngọc	Trân	27/02/2007	CCQ2512A	6.8	7.4	7.2
51	2125120001	Đào Minh	Trang	3/7/2003	CCQ2512A	8.3	6.2	7.0
52	2125120037	Phạm Thị Thu	Trang	13/03/2007	CCQ2512B	7.6	7.4	7.5
53	2125120032	Nguyễn Thành	Trung	5/7/2007	CCQ2512A	7.8	7.0	7.3
54	2125120040	Luân Đức	Tuấn	5/5/2007	CCQ2512B	8.1	6.2	7.0
55	2125120070	Phan Đức	Tùng	2/1/2007	CCQ2512B	6.4	4.8	5.4
56	2125120034	Trương Minh	Tường	25/04/2007	CCQ2512A	7.1	7.6	7.4
57	2125120036	Trần Phạm Thanh	Tuyền	7/9/2007	CCQ2512B	7.6	5.4	6.3
58	2125120025	Phạm Thị Ánh	Tuyết	7/12/2006	CCQ2512A	8	6.6	7.2
59	2125120021	Nguyễn Thuỵ Phương	Uyên	29/07/2007	CCQ2512A	7.2	7.6	7.4
60	2125120056	Lê Thị My	Vân	12/11/2007	CCQ2512B	8.1	7.2	7.6

61	2125120018	Cai Huỳnh Văn	7/5/2007	CCQ2512A	8.1	5.0	6.2
62	2125120026	Dương Nguyễn Vy Phương	30/11/2007	CCQ2512A	7.4	7.4	7.4
63	2125120050	Bùi Lê Thị Thanh Xuân	2/9/2007	CCQ2512B	8.1	7.8	7.9
64	2125120052	Trần Huỳnh Như Ý	8/10/2005	CCQ2512B	5.4	6.4	6.0
65							
66							
67							
68							
69							
70							
71							
72							
73							
74							
75							
76							
77							
78							
79							
80							
81							
82							
83							
84							
85							
86							
87							
88							
89							
90							
91							

Tp. Thủ Đức, ngày 12 tháng 03 năm 2026

GIẢNG VIÊN

Phòng Quản Lý Đào Tạo

BẢNG GHI ĐIỂM QUÁ TRÌNH

Học Kỳ 2- Năm Học 2025-2026

Môn học/Nhóm
CBGD

GD quốc phòng và AN – Lớp CCQ2512A
Nguyễn Trung Thông

Số tín chỉ: 5

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Tên lớp	BP. 1	BP. 2	BP. 3	BP. 4	BP. 5	ĐQT	Ghi chú
1	2125120024	Lê Nhật Trúc	Ân	20/10/2004	CCQ2512A	6.00	5.00	7.50	8.70	9.00	7.7	
2	2125120020	Đinh Thị Diệu	Châu	11/7/2007	CCQ2512A	6	6	6.5	8.3	9	7.6	
3	2125120016	Vũ Thị Bích	Diệp	20/03/2007	CCQ2512A	7.5	7	7.5	8	9	8.0	
4	2125120033	Nguyễn Thị Hoàng	Diệu	18/01/2007	CCQ2512A	7	6.5	6.5	6.7	9	7.3	
5	2125120009	Đàm Lê Thuỳ	Dung	31/08/2006	CCQ2512A	8.5	7	7.5	9	9	8.4	
6	2125120015	Đặng Hùng	Duy	25/03/2007	CCQ2512A	6.5	9	6.5	10	10	8.9	
7	2125120039	Ka	Duyên	13/03/2006	CCQ2512B	8.5	8.5	7.5	9.7	9	8.8	
8	2125120003	Trần Thị Phương	Duyên	5/1/2007	CCQ2512A	7	7.5	6.5	8.7	9	8.1	
9	2125120055	Phạm Thị Ngọc	Giàu	4/1/2007	CCQ2512B	7	8.5	7.5	8.0	9.0	8.1	
10	2125120069	Nguyễn Văn	Hiếu	10/5/2007	CCQ2512B	6	5	6	6.0	7.0	6.1	
11	2125120047	Cao Thị Hồng	Huế	17/05/2007	CCQ2512B	6.5	5.5	7.5	9.7	6.0	7.3	
12	2125120060	Nguyễn Phát	Huy	30/05/2007	CCQ2512B	5.5	6.5	6.5	5.7	8	6.6	
13	2125120059	Phạm Gia	Huy	25/08/2006	CCQ2512B	6.5	6	6	8.3	7.0	7.0	
14	2125120013	Vũ Châu Gia	Khang	7/10/2006	CCQ2512A	6	4	6.5	8.0	0.0	4.6	
15	2125120017	Trần Dương Thuỳ	Linh	5/11/2007	CCQ2512A	6	6.5	6.5	7.3	9.0	7.4	
16	2125120065	Đinh Thị	Loai	18/07/2006	CCQ2512B	8	8.5	7.5	8.7	9.0	8.5	
17	2125120063	Hoàng Ngọc	Long	22/11/2007	CCQ2512B	7	6	6.5	9.0	6.0	7.1	
18	2125120062	Lê Thị Hồng	Ly	6/8/2007	CCQ2512B	5	5.5	7.5	0.0	6.0	4.3	
19	2125120031	Phạm Thanh Tuyết	Ly	25/10/2007	CCQ2512A	5	6	7.5	5.3	9.0	6.7	
20	2125120051	Hoàng Ái	My	13/07/2007	CCQ2512B	6.5	8	7.5	8.3	9.0	8.1	
21	2125120045	Ngô Thị Diễm	My	16/02/2007	CCQ2512B	6.5	6.5	7.5	4.7	10.0	7.1	
22	2125120095	Mai Thị Thảo	Ngân	28/03/2007	CCQ2512B	7	8.5	7.5	10.0	9.0	8.7	
23	2125120046	Trần Minh	Nghĩa	8/9/2007	CCQ2512B	6	6.0	6.0	8.7	7.0	7.1	
24	2125120049	Võ Ngọc Thảo	Nguyên	31/08/2007	CCQ2512B	5	7.0	7.5	10.0	9.0	8.2	

25	2125120007	Lê Trần Thanh	Nhân	2/4/2007	CCQ2512A	5.5	6.0	6.0	8.7	7.0	7.0	
26	2125120014	Huỳnh Thị Yến	Nhi	20/05/2007	CCQ2512A						0.0	
27	2125120022	Huỳnh Thị Yến	Nhi	12/12/2007	CCQ2512A	7	6.5	7.5	5.3	9	7.1	
28	2125120008	Nguyễn Thị Tuyết	Nhi	29/03/2007	CCQ2512A	6	6.5	7.5	9.3	9.0	8.1	
29	2125120072	Dương Kiều	Oanh	28/03/2003	CCQ2512B	7	6.5	7.5	8.0	9.0	7.9	
30	2125120110	Đinh Trường	Phi	10/1/2007	CCQ2512B	6	7.0	6.5	9.7	6.0	7.3	
31	2125120061	Huỳnh Minh	Quân	10/6/2006	CCQ2512B	6.5	7.0	6.0	6.0	8.0	6.8	
32	2125120038	Đặng Xuân	Quang	30/03/2007	CCQ2512B	5.5	6.5	7.5	6.0	8.0	6.8	
33	2125120066	Cao Thị	Quyên	26/08/2006	CCQ2512B	8	6.5	6.5	8.7	9.0	8.1	
34	2125120028	Võ Thị	Quyên	17/07/2007	CCQ2512A	5.5	6.0	7.5	6.0	9.0	7.0	
35	2125120054	Tăng Thị Bé	Tâm	3/4/2007	CCQ2512B	6.5	4.0	7.5	7.7	9.0	7.3	
36	2125120057	Võ Thị	Thắm	10/7/2004	CCQ2512B	7.5	7.0	7.5	8.7	10.0	8.5	
37	2125120023	Nguyễn Thị Ngọc	Thảo	23/09/2007	CCQ2512A	5.5	6.5	7.5	0.0	8.0	5.1	
38	2125120035	Mai Hoàng	Thiên	17/07/2007	CCQ2512A	4	4.0	6.0	9.3	7.0	6.7	
39	2125120071	Trương Ngọc	Thịnh	18/04/2007	CCQ2512B	6.5	8.0	6.0	8.7	7.0	7.4	
40	2125120005	Đỗ Hoàng Trúc	Thư	8/4/2006	CCQ2512A	6	6.5	6.5	6.0	10.0	7.3	
41	2125120068	Nguyễn Thụy Minh	Thư	14/01/2007	CCQ2512B	7	8.0	7.5	7.7	10.0	8.3	
42	2125120004	Điền Minh	Thuận	11/7/2006	CCQ2512A	5	5.5	6.5	7.3	9.0	7.1	
43	2125120043	Trần Hoà Minh	Thuận	7/9/2007	CCQ2512B	7	8.5	6.0	9.3	10.0	8.6	
44	2125120027	Trần Hoài	Thương	11/6/2005	CCQ2512A	6.5	6.5	6.0	8.7	8.0	7.5	
45	2125120006	Hoàng Thị Thanh	Thủy	11/8/2007	CCQ2512A	6.5	6.5	7.5	9.7	9.0	8.3	
46	2125120053	Võ Anh	Tín	25/06/2006	CCQ2512B	6	7.0	6.5	9.0	8.0	7.6	
47	2125120019	Huỳnh Phúc	Toàn	28/11/2007	CCQ2512A	6.5	6.5	6.0	2.7	6.0	5.2	
48	2125120067	Đỗ Thị Mai	Trâm	5/10/2007	CCQ2512B	7	8.0	7.5	9.0	9.0	8.4	
49	2125120041	Phạm Bảo	Trâm	31/01/2006	CCQ2512B	8.5	8.0	7.5	9.0	9.0	8.6	
50	2125120030	Nguyễn Thị Ngọc	Trân	27/02/2007	CCQ2512A	6	7.0	6.5	5.0	9.0	6.8	
51	2125120001	Đào Minh	Trang	3/7/2003	CCQ2512A	6	7.0	7.5	8.7	10.0	8.3	
52	2125120037	Phạm Thị Thu	Trang	13/03/2007	CCQ2512B	4	6.0	7.5	8.7	9.0	7.6	
53	2125120032	Nguyễn Thành	Trung	5/7/2007	CCQ2512A	8.5	8.0	6.0	7.0	9.0	7.8	
54	2125120040	Luân Đức	Tuấn	5/5/2007	CCQ2512B	7	7.0	6.5	9.0	9.0	8.1	
55	2125120070	Phan Đức	Tùng	2/1/2007	CCQ2512B	4	8.0	6.5	5.0	8.0	6.4	
56	2125120034	Trương Minh	Tường	25/04/2007	CCQ2512A	6	6.0	6.0	7.7	8.0	7.1	
57	2125120036	Trần Phạm Thanh	Tuyền	7/9/2007	CCQ2512B	4	4.0	7.5	9.7	9.0	7.6	
58	2125120025	Phạm Thị Ánh	Tuyết	7/12/2006	CCQ2512A	7	6.5	6.5	8.0	10.0	8.0	
59	2125120021	Nguyễn Thụy Phương	Uyên	29/07/2007	CCQ2512A	6.5	6.0	7.5	5.3	10.0	7.2	
60	2125120056	Lê Thị My	Vân	12/11/2007	CCQ2512B	6	6.5	7.5	8.3	10.0	8.1	

61	2125120018	Cai Huỳnh Văn	7/5/2007	CCQ2512A	6.5	8.0	6.5	9.0	9.0	8.1
62	2125120026	Dương Nguyễn Phương Vy	30/11/2007	CCQ2512A	7	5.0	7.5	9.3	7.0	7.4
63	2125120050	Bùi Lê Thị Thanh Xuân	2/9/2007	CCQ2512B	6.5	6.5	7.5	9.0	9.0	8.1
64	2125120052	Trần Huỳnh Như Ý	8/10/2005	CCQ2512B	5.5	6.5	7.5	0.0	9.0	5.4
65										
66										
67										
68										
69										
70										
71										
72										
73										
74										
75										
76										
77										
78										
79										
80										
81										
82										
83										
84										
85										
86										
87										
88										
89										
90										
91										

Thủ Đức, ngày 12 tháng 03 năm 2026

GIẢNG VIÊN

Nguyễn Trung Thông

